



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

# MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5 - 6</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>7 – 38</b>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>14 – 38</i>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GAB trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần GAB (tiền thân là Công ty Cổ phần Gạch Tuynel FLC – Đò Lèn Hậu Lộc) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05 ngày 07 tháng 5 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp về việc thay đổi tên Công ty.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 : 138.000.000.000 VND*

*Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2019: 138.000.000.000 VND*

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Bà Trần Thị Thúy	25.500.000.000	18,48%
Ông Nguyễn Công Nam	6.900.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	12.400.000.000	8,99%
Ông Trần Thế Anh	10.000.000.000	7,25%
Ông Lâm Đức Toàn	6.900.000.000	5,00%
Cổ đông khác	76.300.000.000	55,29%
<b>Tổng cộng</b>	<b>138.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam  
Điện thoại : 0378 860 866  
Mã số thuế : 2 8 0 2 4 0 4 9 3 1

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

### Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo nghị quyết 197/2019/NQ-HĐ-GAB ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc thoái vốn đầu tư, Công ty dự kiến thoái tổng số vốn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum, dự kiến tổng số vốn thu hồi không thấp hơn 33.500.000.000, thời gian thực hiện dự kiến hoàn thành trước tháng 8.2019.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Trần Thị Thúy	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Công Nam	Ủy viên	
Ông Đỗ Tất Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Thế Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019

***Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Văn Đạt	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Rinh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019

***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Trần Thị Thúy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
Ông Lâm Đức Toàn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Công Nam	Phó Tổng Giám đốc	

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



---

**Lâm Đức Toàn**

Số : 1004.01.01/2019/BCTC-NVT2  
Ngày : 13 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần GAB

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần GAB, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2019 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GAB chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>76.498.437.896</b>	<b>62.593.636.989</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.747.611.740</b>	<b>8.193.451.111</b>
1. Tiền	111		1.747.611.740	8.193.451.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>3.002.969.017</b>	<b>2.628.270.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.002.969.017	3.000.064.867
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(371.794.867)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.001.575.567</b>	<b>31.814.551.624</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.565.448.247	19.335.246.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	173.238.920	349.042.912
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.262.888.400	12.130.262.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.203.918.559</b>	<b>13.296.791.596</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	15.203.918.559	13.296.791.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.542.363.013</b>	<b>6.660.572.658</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	463.801.097	317.560.245
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.480.862.916	4.600.143.413
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.597.699.000	1.742.869.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117.976.827.363</b>	<b>121.545.293.634</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>59.334.898</b>	<b>31.989.798</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	59.334.898	31.989.798
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.306.032.091</b>	<b>88.815.744.901</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	67.334.135.841	70.516.093.701
<i>Nguyên giá</i>	222		81.721.534.525	81.721.534.525
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.387.398.684)	(11.205.440.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	17.971.896.250	18.299.651.200
<i>Nguyên giá</i>	228		19.610.671.000	19.610.671.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.638.774.750)	(1.311.019.800)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.252.500</b>	<b>49.252.500</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	49.252.500	49.252.500
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>29.700.000.000</b>	<b>29.700.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	29.700.000.000	29.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.862.207.874</b>	<b>2.948.306.435</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.862.207.874	2.948.306.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>194.475.265.259</b>	<b>184.138.930.623</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.034.438.810</b>	<b>38.900.252.604</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.228.938.810</b>	<b>22.887.752.604</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.096.526.063	6.849.808.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	55.104.500	55.104.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.465.029.593	1.305.728.348
4. Phải trả người lao động	314		360.550.732	36.402.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	432.813.637	42.432.742
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	539.378.605	484.944.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	17.279.535.680	14.113.331.303
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.805.500.000</b>	<b>16.012.500.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	12.805.500.000	16.012.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Tứ, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>150.440.826.449</b>	<b>145.238.678.019</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>150.440.826.449</b>	<b>145.238.678.019</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.440.826.449	7.238.678.019
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.029.678.019	1.042.183.077
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.411.148.430	6.196.494.942
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>194.475.265.259</b>	<b>184.138.930.623</b>

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu



Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc

Lâm Đức Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	78.707.415.849	39.197.868.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78.707.415.849	39.197.868.359
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	66.014.097.287	30.967.346.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.693.318.562	8.230.522.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	910.593	79.174.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.065.191.373	1.607.122.952
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.436.986.240	1.605.478.452
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.118.115.628	1.477.732.662
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.514.285.133	1.353.603.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.996.637.021	3.871.237.524
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.565.786	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	112.272.487	135.283.997
13. Lợi nhuận khác	40		(94.706.701)	(135.283.997)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.901.930.320	3.735.953.527
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.490.781.890	774.247.504
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.411.148.430</u>	<u>2.961.706.023</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>373</u>	<u>461</u>

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu



Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Lông Giám đốc

Lâm Đức Toàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.184.519.900	41.853.455.146
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.538.692.795)	(39.714.607.512)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.135.308.956)	(1.861.924.731)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.479.418.982)	(1.620.754.367)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.379.704.047)	(1.909.785.126)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.004.871.177	2.456.054.263
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(931.800.638)	(8.331.336.567)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.275.534.341)</b>	<b>(9.128.898.894)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(130.420.000)	(1.225.451.668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		910.593	974.242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(129.509.407)</b>	<b>(1.224.477.426)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	5.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	27.359.285.680	18.229.331.303
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.400.081.303)	(11.907.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(40.795.623)</b>	<b>10.422.331.303</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(6.445.839.371)</b>	<b>68.954.983</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 8.193.451.111</b>	<b>1.761.338.433</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1 1.747.611.740</b>	<b>1.830.293.416</b>

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu



Lập ngày 13 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc

Lâm Đức Toàn



## CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất công nghiệp
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
  - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh ;
  - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
  - Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - Phá dỡ;
  - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất động cơ (trừ động cơ đồng hồ); xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ, dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết khác;
  - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
  - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Cho thuê thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao, trong các cửa hàng chuyên doanh.
  - Bán buôn hàng nông sản ./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Đơn vị trực thuộc của Công ty không thực hiện hạch toán kế toán.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
- Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**  
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.....

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là :

##### Quyền sử dụng đất

Là giá trị Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 326902 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2017 với diện tích 118510 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đến ngày 28/11/2046. Đơn vị ghi tăng giá trị tài sản cố định vô hình vào ngày 31/12/2016 với nguyên giá 19.610.671.000 VND. Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 30 năm theo thời gian giao đất .



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa lớn***

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **9. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **10. Nguyên tắc kế toán chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

##### *b) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **17. Công cụ tài chính**

##### **i. Tài sản tài chính**

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chúng khoản nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

## iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.530.415.331	839.494.499
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	217.196.409	7.353.956.612
<b>Cộng</b>	<b><u>1.747.611.740</u></b>	<b><u>8.193.451.111</u></b>

**2. Đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Cổ phiếu</b>	<b><u>3.002.969.017</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.000.064.867</u></b>	<b><u>371.794.867</u></b>
Công ty Cổ phần Hăng sơn				
Đông Á (*)	3.002.969.017	-	3.000.064.867	371.794.867
<b>Cộng</b>	<b><u>3.002.969.017</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.000.064.867</u></b>	<b><u>371.794.867</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	371.794.867
Số trích lập dự phòng trong kỳ	-
Số hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(371.794.867)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>-</u></b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum (*)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	29.700.000.000	-	29.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>29.700.000.000</u></b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần:

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2018/HĐCNCP/VLXDKT ngày 11 tháng 9 năm 2018 với bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Thúy Nga, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 489.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 10.758.000.000 VND.

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 04/2018/HĐCNCP/VLXDKT ngày 11 tháng 9 năm 2018 với bên chuyển nhượng là bà Hà Thị Hiến, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 60.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 1.320.000.000 VND.

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 05/2018/HĐCNCP/VLXDKT ngày 11 tháng 9 năm 2018 với bên chuyển nhượng là bà Dương Thị Huyền, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 45.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 990.000.000 VND.

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2018/HĐCNCP/VLXDKT ngày 11 tháng 9 năm 2018 với bên chuyển nhượng là Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 756.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 16.632.000.000 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo nghị quyết 197/2019/NQ-HĐ-GAB ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc thoái vốn đầu tư, Công ty dự kiến thoái tổng số vốn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum, dự kiến tổng số vốn thu hồi không thấp hơn 33.500.000.000, thời gian thực hiện dự kiến hoàn thành trước tháng 8.2019.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>19.332.236.462</b>	<b>16.189.277.112</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	19.332.236.462	16.189.277.112
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>21.233.211.785</b>	<b>3.145.969.600</b>
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Trung Sơn	1.537.690.000	78.343.100
Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu Vietwoodec	6.998.027.385	1.302.692.100
Công ty TNHH Hưng SPICES	12.122.500.000	275.600.000
Các khách hàng khác	574.994.400	1.489.334.400
<b>Cộng</b>	<b>40.565.448.247</b>	<b>19.335.246.712</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp HLC	-	266.445.000
Công ty TNHH Thương Mại Khoáng sản dầu khí TH	88.379.920	-
Các đối tượng khác	84.859.000	82.597.912
<b>Cộng</b>	<b>173.238.920</b>	<b>349.042.912</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

#### a) Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>10.242.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.688.998.000</b>	<b>-</b>
Bà Trần Thị Thúy-Tiền ủy thác đầu tư (*)	10.242.000.000	-	10.410.000.000	-
Thuế TNCN của ban lãnh đạo	-	-	108.000.000	-
Tạm ứng ban lãnh đạo	-	-	170.998.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>20.888.400</b>	<b>-</b>	<b>1.441.264.000</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	20.888.400	-	1.441.264.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.262.888.400</b>	<b>-</b>	<b>12.130.262.000</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư chứng khoán theo các hợp đồng :

- Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2018/HĐ-UTĐT ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC (bên A- nay là Công ty Cổ phần GAB) và bà Trần Thị Thúy ( bên B), theo đó bên A đồng ý giao và ủy thác toàn bộ cho bên B quản lý vốn đầu tư của bên A để trên Tài khoản giao dịch chứng khoán của bên B để bên B thực hiện việc quản lý đầu tư vào chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thời hạn hợp đồng 1 năm. Bên A nhận được khoản lợi nhuận từ việc đầu tư là lãi từ các khoản đầu tư, cổ tức, trái tức của các loại cổ phiếu, trái phiếu trong danh mục đầu tư, lãi tiền gửi từ khoản tiền mặt trong tài khoản, các khoản lợi nhuận khác. Trường hợp phát sinh lỗ trên khoản vốn đầu tư ban đầu khi kết thúc thời hạn, bên A



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

được nhận lại nguyên vẹn khoản vốn đầu tư ban đầu đã ủy thác cho bên B. Bên B được chủ động lựa chọn danh mục đầu tư. Tổng vốn ủy thác đầu tư tối đa là 6.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2018/HĐ-UTĐT ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC (bên A- nay là Công ty Cổ phần GAB) và bà Nguyễn Thị Biên (bên B), theo đó bên A đồng ý giao và ủy thác toàn bộ cho bên B quản lý vốn đầu tư của bên A để trên Tài khoản giao dịch chứng khoán của bên B để bên B thực hiện việc quản lý đầu tư vào chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thời hạn hợp đồng 1 năm. Bên A nhận được khoản lợi nhuận từ việc đầu tư là lãi từ các khoản đầu tư, cổ tức, trái tức của các loại cổ phiếu, trái phiếu trong danh mục đầu tư, lãi tiền gửi từ khoản tiền mặt trong tài khoản, các khoản lợi nhuận khác. Trường hợp phát sinh lỗ trên khoản vốn đầu tư ban đầu khi kết thúc thời hạn, bên A được nhận lại nguyên vẹn khoản vốn đầu tư ban đầu đã ủy thác cho bên B. Tổng vốn ủy thác đầu tư là 4.500.000.000 đồng, bên A ủy thác cho bên B đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạng Sơn Đông Á.

**b) Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.329.159.287	-	10.437.865.473	-
Công cụ, dụng cụ	241.481.069	-	193.865.103	-
Thành phẩm	3.630.250.930	-	2.144.271.688	-
Hàng hóa	2.003.027.273	-	520.789.332	-
<b>Cộng</b>	<b>15.203.918.559</b>	<b>-</b>	<b>13.296.791.596</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	172.490.884	181.297.902
Chi phí trả trước tiền bảo hiểm	10.668.565	13.441.260
Chi phí sửa chữa	280.641.648	122.821.083
<b>Cộng</b>	<b>463.801.097</b>	<b>317.560.245</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quyền khai thác đất, phí tư vấn	2.390.935.203	2.340.702.415
Công cụ dụng cụ, sửa chữa tài sản	320.535.691	435.693.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	150.736.980	171.910.071
<b>Cộng</b>	<b>2.862.207.874</b>	<b>2.948.306.435</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	21.697.454.505	59.653.630.650	300.000.000	70.449.370	81.721.534.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.697.454.505</b>	<b>59.653.630.650</b>	<b>300.000.000</b>	<b>70.449.370</b>	<b>81.721.534.525</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.790.231.553	9.346.336.777	50.000.004	18.872.490	11.205.440.824
Khấu hao trong kỳ	611.749.080	2.538.163.842	25.000.002	7.044.936	3.181.957.860
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.401.980.633</b>	<b>11.884.500.619</b>	<b>75.000.006</b>	<b>25.917.426</b>	<b>14.387.398.684</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	19.907.222.952	50.307.293.873	249.999.996	51.576.880	70.516.093.701
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.295.473.872</b>	<b>47.769.130.031</b>	<b>224.999.994</b>	<b>44.531.944</b>	<b>67.334.135.841</b>

Một số tài sản cố định có Nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 65.917.478.868 VND và 55.223.096.612 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hà Nam.

### 9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 326902 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2017 với diện tích 118.510 m<sup>2</sup>. Thời hạn sử dụng đến ngày 28/11/2046. Tình hình biến động của tài sản cố định trong kỳ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	19.610.671.000	(1.311.019.800)	18.299.651.200
Khấu hao trong kỳ	-	(327.754.950)	(327.754.950)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.610.671.000</b>	<b>(1.638.774.750)</b>	<b>17.971.896.250</b>

Tài sản cố định vô hình đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hà Nam.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	49.252.500	-	-	49.252.500
Xây dựng tường rào bao quanh	49.252.500	-	-	49.252.500
<b>Cộng</b>	<b>49.252.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.252.500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.193.683.000</b>	<b>80.163.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum	1.193.683.000	80.163.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>9.902.843.063</b>	<b>6.769.645.411</b>
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	5.531.244.815	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại XNK Nhật Minh	1.819.183.000	1.819.183.000
Công ty KD than Thanh Hóa	374.426.621	587.592.459
Công ty TNHH Thương Mại Khoáng sản dầu khí TH	-	886.820.080
Các nhà cung cấp khác	2.177.988.627	3.476.049.872
<b>Cộng</b>	<b>11.096.526.063</b>	<b>6.849.808.411</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
AON BGN Liability Limited Company	55.104.500	55.104.500
<b>Cộng</b>	<b>55.104.500</b>	<b>55.104.500</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.966.500	-	1.490.781.890	1.379.704.047	1.406.044.343	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.761.848	-	49.578.901	16.985.971	43.354.778	-
Thuế nhà đất	-	-	19.554.150	19.554.150	-	-
Tiền thuê đất (*)	-	1.742.869.000	191.935.400	46.765.400	-	1.597.699.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	172.592.182	156.961.710	15.630.472	-
<b>Cộng</b>	<b>1.305.728.348</b>	<b>1.742.869.000</b>	<b>1.927.442.523</b>	<b>1.622.971.278</b>	<b>1.465.029.593</b>	<b>1.597.699.000</b>

(\*) Là khoản tiền Quyền sử dụng đất được giảm sẽ được Nhà nước bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong 08 năm kể từ 01/01/2017.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau :

Đối với hoạt động bán gạch : 10%

Đối với hoạt động bán quế : không phải kê khai tính nộp thuế GTGT

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí mua nguyên vật liệu, hàng hóa chưa có hóa đơn	432.813.637	-
Chi phí lãi vay phải trả	-	42.432.742
<b>Cộng</b>	<b>432.813.637</b>	<b>42.432.742</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	35.431.763	-
Kinh phí công đoàn	54.493.910	35.778.700
Chi phí lãi vay phải trả	449.166.200	449.166.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	286.732	-
<b>Cộng</b>	<b><u>539.378.605</u></b>	<b><u>484.944.900</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Vay Bà Trần Thị Thủy	976.250.000	976.250.000	700.000.000	700.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>				
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hà Nam (1)	16.303.285.680	16.303.285.680	13.413.331.303	13.413.331.303
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	6.999.285.680	6.999.285.680	6.999.331.303	6.999.331.303
Vay dài hạn đến hạn trả	2.890.000.000	2.890.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.414.000.000</u></b>	<b><u>6.414.000.000</u></b>	<b><u>6.414.000.000</u></b>	<b><u>6.414.000.000</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>17.279.535.680</u></b>	<b><u>17.279.535.680</u></b>	<b><u>14.113.331.303</u></b>	<b><u>14.113.331.303</u></b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam (MB) theo Hợp đồng cho vay số 14589.19.770.3089259.TD ngày 07 tháng 5 năm 2019 với hạn mức tín dụng 1 là 3.500.000.000 VND, hạn mức tín dụng 2 là 7.000.000.000, hạn mức tín dụng trên đây đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng theo Hợp đồng cho vay số 10768.18.770.3089259.TD ký ngày 12/04/2018. Hạn mức tín dụng 2 phát sinh khi nhu cầu của khách hàng vượt hạn mức 1, có đề nghị gửi cho MB và được MB chấp thuận. Mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel của khách hàng năm 2019-2020, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến 02/05/2020, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định tại các văn bản nhận nợ, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp thuyết minh tại V.16b, các tài sản đảm bảo chung cho toàn bộ các nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng vay dài hạn và ngắn hạn của công ty, không tách bạch theo từng hợp đồng tín dụng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Vay ngắn hạn ngân hàng	6.999.331.303	6.999.285.680	-	(6.999.331.303)
Vay ngắn hạn các cá nhân	700.000.000	20.360.000.000	-	(17.193.750.000)	3.866.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.414.000.000	-	3.207.000.000	(3.207.000.000)	6.414.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>14.113.331.303</u></b>	<b><u>27.359.285.680</u></b>	<b><u>3.207.000.000</u></b>	<b><u>(27.400.081.303)</u></b>	<b><u>17.279.535.680</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### b) **Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hà Nam. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	16.012.500.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.207.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>12.805.500.000</u></b>

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hà Nam theo các Hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 2706.17.770.3089259 TD ngày 08/02/2017 số tiền vay 15.990.000.000 VND. Mục đích vay là bù đắp và tài trợ vốn để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị dây chuyền 1,2 ( giai đoạn 1)- Dự án Nhà máy gạch Tuynel FLC- Đò Lèn Hậu Lộc, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất thả nổi theo quy định tại văn bản nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nợ vay trả theo từng kì cách nhau 3 tháng. Thời hạn rút vốn vay tối đa đến ngày 30/6/2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp :

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 2707.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là Hệ thống máy tạo hình và Hệ thống vận chuyển gạch tuynel trong dây chuyền sản xuất gạch tuynel 40 triệu viên/1 năm do Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Minh cung cấp và lắp đặt năm 2016 tại Việt Nam, tổng giá trị tài sản thế chấp là 16.259.906.250 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 109857.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là nhà máy sản xuất gạch Tuynel FLC- Đò Lèn, Hậu Lộc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 482 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, đo vẽ năm 2001, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tổng giá trị tài sản thế chấp là 34.848.110.500 VND.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 109864.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là 1 cặp lò gồm 1 lò nung và 1 lò sấy và trạm biến áp, tổng giá trị tài sản thế chấp là 9.112.500.000VND.

(2) Hợp đồng cho vay số 131074.17.770.3089259 .TD ngày 09/08/2017 số tiền vay 15.700.000.000 VND. Mục đích vay là bù đắp và tài trợ vốn để thực hiện đầu tư giai đoạn 1- dự án Nhà máy gạch Tuynel FLC- Đò Lèn Hậu Lộc, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất thả nổi theo quy định tại văn bản nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nợ vay trả theo từng kì cách nhau 3 tháng quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Thời hạn rút vốn vay tối đa đến ngày 30/9/2017. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16201.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là 1 cặp lò gồm 1 lò nung và 1 lò sấy số 2, tổng giá trị tài sản thế chấp là 7.931.250.000VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	7.390.383.077	67.390.383.077
Tăng vốn bằng tiền mặt	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Tăng vốn bằng bù trừ tiền vay	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	6.196.494.942	6.196.494.942
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(348.200.000)	(348.200.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>138.000.000.000</b>	<b>7.238.678.019</b>	<b>145.238.678.019</b>
Số dư đầu năm nay	138.000.000.000	7.238.678.019	145.238.678.019
Lợi nhuận trong kỳ này	-	5.411.148.430	5.411.148.430
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(209.000.000)	(209.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>138.000.000.000</b>	<b>12.440.826.449</b>	<b>150.440.826.449</b>

Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Trần Thị Thúy	25.500.000.000	50.700.000.000
Ông Nguyễn Công Nam	6.900.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	12.400.000.000	12.400.000.000
Ông Trần Thế Anh	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Đức Toàn	6.900.000.000	100.000.000
Cổ đông khác	76.300.000.000	41.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>138.000.000.000</b>	<b>138.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	58.404.367.663	19.900.832.773
Doanh thu bán thành phẩm	20.303.048.186	19.297.035.586
<b>Cộng</b>	<b>78.707.415.849</b>	<b>39.197.868.359</b>

**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cho các bên liên quan**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	17.569.289.090	10.689.845.455

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.516.477.564	18.812.222.657
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.497.619.723	12.155.123.459
<b>Cộng</b>	<b>66.014.097.287</b>	<b>30.967.346.116</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	910.593	974.242
Lãi ủy thác đầu tư chứng khoán	-	78.200.000
<b>Cộng</b>	<b>910.593</b>	<b>79.174.242</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.436.986.240	1.605.478.452
Chi phí bán chứng khoán	-	1.644.500
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(371.794.867)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.065.191.373</b>	<b>1.607.122.952</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	811.625.390	368.975.008
Chi phí vận chuyển	2.218.063.637	1.108.757.654
Các chi phí khác	88.426.601	-
<b>Cộng</b>	<b>3.118.115.628</b>	<b>1.477.732.662</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	286.894.519	217.009.592
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.183.571	79.736.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.046.566	448.558.385
Thuế, phí và lệ phí	251.301.550	223.983.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.895.745	260.957.603
Các chi phí khác	9.963.182	123.357.000
<b>Cộng</b>	<b>1.514.285.133</b>	<b>1.353.603.347</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập khác	17.565.786	-
<b>Cộng</b>	<b>17.565.786</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế bị phạt chậm nộp, thuế truy thu	94.873.325	57.438.462
Chi phí khác không hợp lệ	17.399.162	77.845.535
<b>Cộng</b>	<b>112.272.487</b>	<b>135.283.997</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.901.930.320	3.735.953.527
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	128.291.396	135.283.997
<i>Phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính</i>	94.873.325	57.438.462
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	33.418.071	77.845.535
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.030.221.716	3.871.237.524
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	7.030.221.716	3.871.237.524
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.406.044.343</b>	<b>774.247.504</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>84.737.547</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.490.781.890</b>	<b>774.247.504</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.411.148.430	2.961.706.023
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
-Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(270.557.421)	(148.085.301)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.140.591.008	2.813.620.722
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.800.000	6.106.025
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>373</b>	<b>461</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.800.000	6.000.000
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	106.025
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>13.800.000</b>	<b>6.106.025</b>

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.293.718.062	5.456.288.856
Chi phí nhân công	2.618.304.273	1.854.341.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.509.712.810	3.326.546.452
Thuế, phí và lệ phí	251.301.550	223.983.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.222.729.611	3.693.098.741
Chi phí khác	720.233.420	879.894.127
<b>Cộng</b>	<b>16.615.999.726</b>	<b>15.434.153.435</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tạm ứng	10.700.000	183.960.000
Hoàn ứng	181.698.000	29.540.000
Vay thành viên HĐQT	17.470.000.000	10.350.000.000
Trả tiền vay thành viên HĐQT	17.193.750.000	7.100.000.000
Góp vốn bằng tiền vay	-	20.100.000.000
Ủy thác đầu tư chứng khoán cho bên liên quan	-	2.250.000.000
Nhận lại tiền ủy thác đầu tư chứng khoán	-	2.100.000.000
Phải thu lãi ủy thác đầu tư	-	78.200.000
Phải thu thuế TNCN thành viên HĐQT	41.300.000	-
Thu tiền thuế TNCN	149.300.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a, V.16a.

**Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương, thưởng	313.942.804	170.525.300
Thù lao hội đồng quản trị	-	30.000.000
Cổ tức được chia	-	3.900.000.000

**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros  
 Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng  
 Vật liệu xây dựng Kon Tum

**Mối quan hệ**

Công ty con của cổ đông góp vốn  
 Công ty liên doanh, liên kết

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros</b>		
<i>Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i>	19.326.218.000	11.758.830.000
<i>Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i>	16.183.258.650	9.860.050.000
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum</b>		
<i>Phải trả tiền mua hàng</i>	3.203.520.000	-
<i>Thanh toán tiền hàng</i>	2.090.000.000	-

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất gạch.
- Lĩnh vực kinh doanh gạch
- Lĩnh vực kinh doanh quế.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực sản xuất gạch</b>	<b>Lĩnh vực thương mại gạch</b>	<b>Lĩnh vực thương mại quế</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.303.048.186	16.770.207.663	41.634.160.000	78.707.415.849
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20.303.048.186</b>	<b>16.770.207.663</b>	<b>41.634.160.000</b>	<b>78.707.415.849</b>
Chi phí bộ phận	10.497.619.723	15.812.377.564	39.704.100.000	66.014.097.287
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.805.428.463	957.830.099	1.930.060.000	12.693.318.562
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.632.400.761)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.060.917.801
Doanh thu hoạt động tài chính				910.593
Chi phí tài chính				(1.065.191.373)
Thu nhập khác				17.565.786
Chi phí khác				(112.272.487)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.490.781.890)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>5.411.148.430</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>374.688.182</b>	-	-	<b>374.688.182</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.389.465.747</b>	<b>166.837.824</b>	<b>414.195.982</b>	<b>3.970.499.553</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất gạch	Lĩnh vực thương mại gạch	Lĩnh vực thương mại quế	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	86.111.352.918	28.574.209.420	12.122.500.000	114.685.562.338
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-		
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				79.789.702.921
<b>Tổng tài sản</b>				<b>194.475.265.259</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	34.477.142.747	6.759.523.496		41.236.666.243
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				2.797.772.567
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>44.034.438.810</b>

### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó chủ yếu là doanh thu bán gạch.

### **3. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **4. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAB**

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	17.279.535.680	12.805.500.000	-	30.085.035.680
Phải trả người bán	11.096.526.063	-	-	11.096.526.063
Các khoản phải trả khác	1.332.742.974	-	-	1.332.742.974
<b>Cộng</b>	<b>29.708.804.717</b>	<b>12.805.500.000</b>	<b>-</b>	<b>42.514.304.717</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	14.113.331.303	16.012.500.000	-	30.125.831.303
Phải trả người bán	6.849.808.411	-	-	6.849.808.411
Các khoản phải trả khác	563.780.042	-	-	563.780.042
<b>Cộng</b>	<b>21.526.919.756</b>	<b>16.012.500.000</b>	<b>-</b>	<b>37.539.419.756</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.747.611.740	8.193.451.111	1.747.611.740	8.193.451.111
Chứng khoán kinh doanh	3.002.969.017	2.628.270.000	3.002.969.017	2.628.270.000
Phải thu khách hàng	40.565.448.247	19.335.246.712	40.565.448.247	19.335.246.712
Các khoản phải thu khác	10.322.223.298	12.162.251.798	10.322.223.298	12.162.251.798
<b>Cộng</b>	<b>55.638.252.302</b>	<b>42.319.219.621</b>	<b>55.638.252.302</b>	<b>42.319.219.621</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	30.085.035.680	30.125.831.303	30.085.035.680	30.125.831.303
Phải trả người bán	11.096.526.063	6.849.808.411	11.096.526.063	6.849.808.411
Các khoản phải trả khác	1.332.742.974	563.780.042	1.332.742.974	563.780.042
<b>Cộng</b>	<b>42.514.304.717</b>	<b>37.539.419.756</b>	<b>42.514.304.717</b>	<b>37.539.419.756</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GAB

Địa chỉ: Thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 7. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được soát xét.

Lập ngày 13 tháng 8 năm 2019

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu

Tổng Giám đốc



Lâm Đức Toàn